

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG MUA SẴM VẮC XIN TIÊM CHỦNG DỊCH VỤ NĂM 2025-2026

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
1	Vắc xin 6 trong 1	Sau khi hoàn nguyên 01 liều (0,5ml) chứa: Giải độc tố bạch hầu $\geq 30IU$; Giải độc tố uốn ván $\geq 40IU$; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm giải độc tố ho gà 25mcg và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi 25mcg và Pertactin 8mcg; Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B 10mcg; Virus bại liệt typ 1 bất hoạt (chủng Mahoney) 40DU; Virus bại liệt typ 2 bất hoạt (chủng MEF-1) 8DU; Virus bại liệt typ 3 bất hoạt (chủng Saukett) 32DU; Polysaccharide của Haemophilus influenza typ b 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván như protein chất mang	$\geq 30 IU$; $\geq 40 IU$; 25 mcg; 25 mcg; 8 mcg; 10mcg; 40 DU; 8 DU; 32 DU; 10mcg cộng hợp với 25mcg giải độc tố uốn ván	Tiêm bắp	Bột đông khô Hib và hỗn dịch (DTPa-HBV-IPV) để pha hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Liều	300
2	Vắc xin 6 trong 1	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylritol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Mỗi liều 0,5 ml chứa: Giải độc tố Bạch hầu: không dưới 20IU; Giải độc tố Uốn ván: không dưới 40IU; Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT): 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; Virus bại liệt (bất hoạt): Typ 1 (Mahoney) 40 đơn vị kháng nguyên D, Typ 2 (MEF-1) 8 đơn vị kháng nguyên D, Typ 3 (Saukett) 32 đơn vị kháng nguyên D; Kháng nguyên bề mặt Viêm gan B: 10mcg; Polysaccharide của Haemophilus influenzae typ b (Polyribosylritol Phosphate): 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Bom tiêm	200
3	Vắc xin phế cầu 10 chủng	Một liều (0,5ml) chứa 1 mcg polysaccharide của các typ huyết thanh 11,2, 51,2, 6B1,2, 7F1,2, 9V1,2, 141,2, 23F1,2 và 3 mcg của các typ huyết thanh 41,2, 18C1,3, 19F1,4	1mcg; 3mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Liều	300
4	Vắc xin phế cầu 13 chủng	Huyết thanh typ 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh typ 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Mỗi bom tiêm chứa một liều đơn 0.5ml có chứa: Huyết thanh typ 1 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 3 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 4 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 5 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 6A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 6B polysaccharid phế cầu khuẩn 4,4mcg; Huyết thanh typ 7F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 9V polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 14 polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 18C polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 19A polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 19F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg; Huyết thanh typ 23F polysaccharid phế cầu khuẩn 2,2mcg ; Cộng với Protein vận chuyển CRM197 32mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Bom tiêm	400
5	vắc xin phòng cúm	A/Brisbane/02/2018(H1N1) – sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190); A/South Australia/34/2019)HmN2-sử dụng chủng tương đương(A/South Australia/34/2019), IVR-197); B/Washington/02/2019, sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, wild type) B/Phuket/3073/2013-sử dụng chủng tương đương (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type)	Mỗi 0,5ml vắc xin chứa: A/Brisbane/02/2018 (H1N1)pdm09- sử dụng chủng tương đương (A/Brisbane/02/2018, IVR-190) - 15 mcg haemagglutinin; A/South Australia/34/2019 (H3N2)- sử dụng chủng tương đương (A/South Australia/34/2019, IVR-197) - 15 mcg haemagglutinin; B/Washington/02/2019- sử dụng chủng tương đương (B/Washington/02/2019, wild type) - 15 mcg haemagglutinin; B/Phuket/3073/2013- sử dụng chủng tương đương (B/Yamagata/16/88 lineage) (B/Phuket/3073/2013, wild type) - 15 mcg haemagglutinin	Hỗn dịch tiêm, Hộp có 1 bom tiêm chứa 0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Bom Tiêm	600

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
6	vắc xin phòng cúm	- Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H1N1 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm A H3N2 - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B - Kháng nguyên tinh khiết bất hoạt virus cúm B	(Type A H1N1 - 15mcg; type A H3N2 - 15mcg; type B - 15mcg; type B - 15mcg)/0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	2	Liều	300
7	Vắc xin phối hợp phòng 3 bệnh: Sởi - Quai bị - Rubella	Lọ (0,5ml): Vi-rút sởi >= 1.000 CCID50; Vi rút Quai bị >=12.500 CCID50; Vi rút Rubella >=1.000 CCID50	0,5ml	Tiêm bắp (IM) hoặc tiêm dưới da (SC)	Bột đông khô pha tiêm	Nhóm 1	Lọ	500
8	Vắc xin ung thư cổ tử cung 9 chủng	Mỗi liều 0,5mL chứa 30mcg protein L1 HPV týp 6; 40mcg protein L1 HPV týp 11; 60mcg protein L1 HPV týp 16; 40mcg protein L1 HPV týp 18; 20mcg protein L1 HPV cho mỗi týp 31,33,45,52 và 58	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn Dịch Tiêm	Nhóm 1	Bơm tiêm	480
9	Vắc xin ung thư cổ tử cung 4 chủng	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin tái tổ hợp từ giá phòng vi-rút HPV ở người týp 6,11,16,18 chứa protein L1 HPV6: 20mcg; protein L1 HPV11: 40mcg; protein L1 HPV16: 40mcg và protein L1 HPV18: 20mcg	0,5ml	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 1	Lọ	50
10	Vắc xin dại	Virus dại bất hoạt (chủng L. Pasteur 2061/Vero được nhân giống trên tế bào Vero)	≥ 2,5 IU/0,5ml	Tiêm bắp/ Tiêm trong da	Bột đông khô pha tiêm	5	Lọ	6000
11	Vắc xin phòng dại	Mỗi liều vắc xin hoàn nguyên 0,5ml chứa: Virus dại bất hoạt (chủng Wistar Rabies PM/WI 38 1503-3M) 3,25 IU (hàm lượng đo theo chuẩn quốc tế và thử nghiệm ELISA)	3,25 IU/0,5ml/liều	Tiêm bắp, tiêm trong da	Vắc xin bột đông khô và dung môi hoàn nguyên	Nhóm 1	Lọ	1000
12	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế	Globulin kháng độc tố uốn ván	1500IU	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Lọ/ Ống/ Bơm tiêm	2360
13	Huyết thanh kháng dại tinh chế	Kháng thể kháng vi rút dại	1000 IU/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	4	Lọ/ Ống/ Bơm tiêm	300
14	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Virus Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực	4,0 - 5,8 log PFU	Tiêm	Bột đông khô	Nhóm 5	Lọ	200
15	Vắc xin phòng viêm não Nhật Bản	Virus viêm não Nhật Bản bất hoạt, tinh khiết-chủng Nakayama	Mỗi liều 0,5 ml vắc xin hoàn nguyên chứa: Vi rút Viêm não Nhật Bản chủng SA14-14-2 tái tổ hợp, sống, giảm độc lực 4,0 - 5,8 log PFU	Bột đông khô	Dung dịch tiêm	Nhóm 4	Lọ	200
16	Vắc xin phòng viêm gan B (trẻ em)	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	10mcg/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	5	Lọ	100
17	Vắc xin viêm gan B (người lớn)	Protein kháng nguyên bề mặt HBsAg (độ tinh khiết ≥ 95%)	20mcg/1ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	5	Lọ	350

STT	Tên vắc xin	Tên hoạt chất/ Thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
18	Vắc xin phòng viêm gan A	Mỗi liều 0,5ml chứa: Protein bao gồm kháng nguyên vi rút viêm gan A tinh khiết	<100mcg/0,5ml	Hỗn dịch tiêm	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 4	Liều	100
19	Vắc xin phòng viêm gan AB	Mỗi liều 1,0ml chứa: Hepatitis A virus antigen (HM175 strain) 720 Elisa units; r-DNA Hepatitis B Virus surface antigen (HBsAg) 20mcg	720 Elisa units; 20mcg	Tiêm bắp	Hỗn dịch tiêm	1	Hộp	200
20	Vắc xin phòng thủy đậu	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	≥1350PFU/lo	Tiêm	Bột đông khô kèm lọ dung môi	Nhóm 1	Lọ	100
21	Vắc xin phòng thủy đậu	Virus thủy đậu sống giảm độc lực (chủng OKA)	≥ 103,3 PFU	Tiêm dưới da	Bột đông khô và dung dịch pha tiêm	Nhóm 1	Hộp	100
22	Vắc xin phòng viêm não mô cầu BC	Protein màng ngoài tinh khiết vi khuẩn não mô cầu nhóm B; Polysaccharide vỏ não mô cầu nhóm C.	Mỗi liều 0.5 ml chứa Protein màng ngoài não mô cầu nhóm B 50mcg; Protein màng ngoài não mô cầu nhóm C 50mcg; 0.5ml	Hỗn dịch tiêm	Hỗn dịch tiêm	Nhóm 5	Liều	200
23	Vắc xin phòng não mô cầu AC	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	1 liều (0,5 ml): Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4 µg (mcg); - Protein giải độc tố Bạch hầu (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)*(* Lượng giải độc tố Bạch hầu là lượng ước tính và phụ thuộc vào tỉ số giữa polysaccharide cộng hợp và protein) 48 µg (mcg)	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	1	LỌ	100
24	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Vắc xin phòng uốn ván (Giải độc tố uốn ván tinh chế)	≥ 40IU/0,5ml	Tiêm bắp sâu	Hỗn dịch tiêm	4	Ống	1800
25	Vắc xin phòng ngừa bệnh viêm phổi, viêm màng não mủ	Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván.	10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván/0,5 ml	Tiêm bắp	Dung dịch tiêm	Nhóm 5	Lọ	300